

Số: 342/BC-UBND

Khánh Sơn, ngày 05 tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng 6 tháng đầu năm 2019

(Số liệu từ ngày 01/12/2018 đến 03/6/2019)

Thực hiện Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 của UBND tỉnh Khánh Hoà ban hành quy định về chế độ thông tin, báo cáo công tác thanh tra, giải quyết KNTC và phòng chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà, UBND huyện Khánh Sơn báo cáo kết quả như sau:

Nội dung công tác trọng tâm 6 tháng đầu năm 2019 là quan tâm chú trọng công tác tiếp công dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo trên địa bàn huyện; tiến hành thanh tra công tác quản lý và sử dụng ngân sách tại Đài Truyền thanh-Truyền hình huyện Khánh Sơn; thụ lý và xác minh nội dung đơn tố cáo (lợi dụng chức vụ quyền hạn chiếm đất; xét cấp đất không đúng đối tượng)

Phần I

CÔNG TÁC THANH TRA

Trong kỳ, thực hiện kế hoạch thanh tra năm 2019 đã được phê duyệt, UBND huyện đã chỉ đạo đơn vị tiến hành thanh tra theo đúng kế hoạch. Đã thanh tra và công bố Kết luận thanh tra công tác quản lý và sử dụng ngân sách tại Đài Truyền thanh-Truyền hình huyện Khánh Sơn.

I. Thanh tra hành chính:

1. Việc triển khai các cuộc thanh tra:

- Tổng số cuộc đang thực hiện: 1 cuộc thanh tra theo kế hoạch; trong đó:
 - + Số cuộc kỳ trước chuyển sang: 1 cuộc;
 - + Số cuộc triển khai trong kỳ báo cáo: 0 cuộc;
- Về hình thức:
 - + Số cuộc theo kế hoạch: 1 cuộc;
 - + Số cuộc đột xuất: 0 cuộc;
- Về tiến độ:
 - + Số cuộc đã kết thúc thanh tra trực tiếp tại đơn vị: 1 cuộc;
 - + Số cuộc đã ban hành kết luận: 1 cuộc.

2. Kết luận thanh tra:

- Phát hiện vi phạm:
 - + Số đơn vị có vi phạm/số đơn vị được thanh tra: 1
- Kiến nghị xử lý vi phạm:
 - + Xử lý trách nhiệm về kinh tế, xử lý kỷ luật hành chính: thu hồi số tiền

7,5 triệu đồng của Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện (do chi cho tổ kỹ thuật vượt quá định mức theo văn bản số 275/UBND ngày 20/8/2011).

+ Xử lý hình sự: chuyển cơ quan điều tra xử lý: không

- Kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan quản lý nhà nước: không

- Số tiền, tài sản thu hồi, xử lý trong quá trình thanh tra: 7,5 tr.đ

3. Kết quả kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra và quyết định xử lý về thanh tra:

- Số kết luận và quyết định xử lý được kiểm tra trong kỳ báo cáo: Không

- Kết quả thực hiện các kiến nghị (về kinh tế, hành chính và chuyển cơ quan điều tra xử lý): không có

4. Kết quả thanh tra trên một số lĩnh vực:

- Quản lý, thực hiện dự án đầu tư xây dựng: Không

- Quản lý, sử dụng đất: không

- Quản lý và sử dụng tài chính, ngân sách: Thanh tra công tác quản lý và sử dụng ngân sách tại Đài Truyền thanh-Truyền hình huyện Khánh Sơn; đã công bố kết luận.

- Kết quả thanh tra lại: không có

- Kết quả thanh tra chuyên đề: không có.

II. Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra, giải quyết KNTC và PCTN:

1. Việc triển khai các cuộc thanh tra, kiểm tra:

- Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra: 0; số đơn vị được thanh tra, kiểm tra trách nhiệm: 0

- Tổng số cuộc kết thúc thanh tra, kiểm tra trực tiếp tại đơn vị: 0

2. Kết quả thanh tra, kiểm tra:

- Số đơn vị có vi phạm/số đơn vị được thanh tra, kiểm tra: Đang tiến hành thanh tra

- Những vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, kiểm tra: không

- Kiến nghị: không.

- Kết quả thực hiện các kiến nghị: không

III. Công tác xử lý sau thanh tra:

1. Khái quát tình hình, đặc điểm trong việc tổ chức thực hiện kết luận thanh tra:

a. Công tác chỉ đạo, ban hành văn bản công tác xử lý sau thanh tra: 01 văn bản yêu cầu lãnh đạo Đài Truyền thanh Truyền hình nay là Trung tâm Văn hóa - Thông tin và thể thao tổ chức họp kiểm điểm, đánh giá rút kinh nghiệm theo nội dung kết luận thanh tra.

b. Việc triển khai cuộc kiểm tra, xử lý sau thanh tra:

- Tổng số cuộc kiểm tra xử lý sau thanh tra: không có

2. Kết quả thực hiện:

a. Kiến nghị xử lý kinh tế: thu hồi 7,5 triệu đồng nộp ngân sách nhà nước

b. Kiến nghị xử lý hình sự: không

c. Kiến nghị xử lý hành chính: không

d. Các kiến nghị xử lý khác:

- Nghiêm khắc kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với ông Trần Văn Sản - Trưởng Đài TT-TH huyện; nghiêm khắc kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ - viên chức - phụ trách kế toán đơn vị; nghiêm túc rút kinh nghiệm đối với ông Trương Văn Vỹ - Nguyên Trưởng Đài TT-TH huyện

Phần II

CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN THƯ, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Trong kỳ, tình hình khiếu nại, tố cáo trên địa bàn huyện diễn biến không phức tạp, số lượt tiếp công dân giảm 60%, lượng đơn thư tiếp nhận giảm 90% so cùng kỳ. Các nội dung khiếu nại không phức tạp, đã tiếp nhận, thụ lý và đang tiến hành xác minh nội dung 01 đơn tố cáo, không có vụ việc khiếu nại đông người. UBND huyện đã ban hành Quyết định thành lập Tổ kiểm tra việc thực hiện Pháp luật về công tác tiếp công dân, xử lý đơn và giải quyết tố cáo, khiếu nại hành chính, giao Thanh tra huyện kiểm tra thường xuyên và định kỳ; nhắc nhở các đơn vị và có những giải pháp, kiến nghị, đề xuất kịp thời.

I. Công tác tiếp công dân:

1. Kết quả tiếp công dân: Thực hiện Luật Tiếp công dân năm 2013, Nghị định 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân, UBND huyện, UBND các xã, thị trấn và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện đã thực hiện nghiêm túc việc tổ chức tiếp công dân thường xuyên, phân công cán bộ, công chức tiếp công dân khi có yêu cầu, Chủ tịch UBND huyện, xã, thủ trưởng các cơ quan chuyên môn tiếp công dân định kỳ theo quy định của Luật Tiếp công dân và nội quy tiếp công dân của các cơ quan, đơn vị.

Tổng số lượt tiếp 15 lượt: (cấp huyện 04, cấp xã 11), không có vụ việc cũ; không phát sinh đoàn đông người.

2. Nội dung tiếp công dân: Tranh chấp đất đai và các quyền lợi khác liên quan giữa tổ chức với công dân và công dân với công dân.

3. Kết quả phân loại, xử lý kết quả tiếp công dân: Các vụ việc phát sinh đã được cán bộ tiếp công dân giải thích, hướng dẫn. Vụ việc không thuộc thẩm quyền hướng dẫn công dân gửi đơn hoặc đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

II. Tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo:

1. Trong kỳ tiếp nhận 4 đơn (cấp huyện 01, cấp xã 03), không có đơn thư kỳ trước chuyển sang.

2. Phân loại đơn:
- Khiếu nại: 0 đơn
 - Tố cáo: 01 đơn (lợi dụng chức vụ quyền hạn chiếm đất; xét cấp đất không đúng đối tượng)
 - Kiến nghị, phản ánh: 03 đơn (tranh chấp đất đai)
 - Đơn không đủ điều kiện xử lý: 0 đơn
 - Đơn thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên môn cấp huyện: 0 đơn
 - Đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã: 03 đơn
 - Đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện: 01 đơn

3. Kết quả xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo nhận được:

01 đơn thư tố cáo thuộc thẩm quyền của UBND huyện đã được thụ lý và tiến hành xác minh; hiện đang giải quyết.

III. Kết quả giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền:

1. Giải quyết đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền của UBND huyện: 0 đơn; cấp xã 0 đơn; đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan chuyên môn 0 đơn.

2. Giải quyết đơn tố cáo thuộc thẩm quyền UBND huyện: 01 đơn đang giải quyết.

Phần III

CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

I. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của ngành, địa phương:

Thực hiện nghiêm các văn bản qui định của Chính phủ về thực hiện các qui tắc ứng xử trong hoạt động của các cơ quan nhà nước như Quyết định 129/2007/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành qui chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước và Chỉ thị số 32/2006/CT-TTg ngày 07/9/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật đối với cán bộ, công chức trong việc thực thi nhiệm vụ, phục vụ nhân dân; 5 điều kỷ luật của ngành Thanh tra. Qua đó, tổ chức quán triệt cho cán bộ, công chức học tập các Nghị quyết, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, thực hiện qui tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ thanh tra.

II. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng:

1. Việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị:

UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tuân thủ nghiêm túc các qui định trong các lĩnh vực đất đai; tài nguyên khoáng sản, môi trường; công khai, minh bạch trong thực hiện các dự án đầu tư, hoạt động đấu thầu sử dụng ngân sách nhà nước, cụ thể: UBND huyện đã phân cấp cho UBND các xã, thị

trấn làm chủ đầu tư các công trình XD/CB theo nguồn vốn phân cấp và thực hiện, đảm bảo công khai, minh bạch trong việc chỉ định thầu, đấu thầu và giao thầu đối với những nhà thầu có đủ năng lực thi công các công trình xây dựng, công khai minh bạch trong việc mua sắm, đầu tư công.

2. Việc cán bộ, công chức, viên chức nộp lại quà tặng:

UBND huyện đã quán triệt và thực hiện nghiêm túc các quy định của Chính phủ và của UBND tỉnh về việc tặng quà, nhận quà, nộp lại quà tặng của cán bộ, công chức. Kết quả chưa phát hiện có trường hợp nào vi phạm về việc tặng quà, nhận quà và nộp lại quà tặng.

3. Việc xây dựng, thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức:

UBND huyện đã chỉ đạo cho các phòng, ban chuyên môn và UBND các xã, thị trấn phải thực hiện nghiêm túc các văn bản của Chính phủ quy định thực hiện các quy tắc ứng xử trong hoạt động của các cơ quan nhà nước như Quyết định 129/2007/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước và Chỉ thị số 32/2006/CT-TTg ngày 07/9/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương đối với cán bộ - công chức trong việc thực thi nhiệm vụ, phục vụ nhân dân.

100% các cơ quan đơn vị trên địa bàn huyện đã ban hành Quy chế văn hóa công sở; quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức trong tháng 1.

4. Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức nhằm phòng ngừa tham nhũng:

Trong kỳ không thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ công chức nào. Tuy nhiên định kỳ 3 năm một lần, UBND huyện thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý như kế toán, địa chính và tư pháp các xã, thị trấn trên địa bàn huyện; sẵn sàng điều chuyển, thay thế những cán bộ lãnh đạo, quản lý có nhiều dư luận, biểu hiện tham nhũng, lãng phí, uy tín giảm sút, không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

5. Việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản và thu nhập:

Đầu năm UBND huyện đã chỉ đạo cho Thanh tra huyện phối hợp với Phòng Nội vụ chuẩn bị nội dung, chương trình và các biểu mẫu để tổ chức quán triệt cho các cán bộ chủ chốt trên địa bàn huyện thực hiện nghiêm túc Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/07/2013 của Chính phủ; Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ; Công văn số 8910/UBND-NC ngày 07/11/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa. Hiện nay các đối tượng thuộc diện phải kê khai tài sản thu nhập đều đã nộp bản kê khai theo quy định, đạt tỷ lệ 100%.

6. Việc xem xét, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách:

Thực hiện Nghị định số 107/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, Nghị định số 211/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 107/NĐ-CP của Chính phủ; UBND huyện đã ban hành văn bản về việc đôn đốc thực hiện Nghị định số 107/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ về xử lý trách nhiệm người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng.

7. Việc thực hiện cải cách hành chính:

Hàng năm, UBND huyện đều ban hành kế hoạch cải cách hành chính Nhà nước và được các cơ quan, đơn vị quan tâm triển khai thực hiện với các nội dung cơ bản như: cải cách thủ tục (là nhiệm vụ trọng tâm), cải cách thể chế, cải cách tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức kỷ cương, liêm chính, trong đó cải cách tài chính công đã thực sự có tác dụng tích cực trong phòng ngừa tham nhũng.

8. Việc tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị:

Các cơ quan, đơn vị trên toàn huyện đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao hiệu quả áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001-2008. Đã có 100% các cơ quan đơn vị xây dựng mạng LAN và triển khai cài đặt phần mềm quản lý nội bộ E-office; tất cả các cơ quan, đơn vị có kết nối internet.

9. Việc đổi mới phương thức thanh toán, trả lương qua tài khoản:

Thực hiện Chỉ thị 20/2007/CT-TTg ngày 24/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc trả lương qua tài khoản cho các đối tượng hưởng lương qua ngân sách Nhà nước; Thông tư 164/2011/TT- BTC ngày 17/11/2011 của Bộ Tài chính quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống Kho bạc Nhà nước, trong đó quy định cụ thể đối tượng, địa bàn và nội dung chi trả, thanh toán cá nhân qua tài khoản. Hiện nay trên địa bàn huyện đã thanh toán lương qua hình thức chuyển khoản tại ngân hàng Agribank huyện Khánh Sơn.

10. Các nội dung khác đã thực hiện nhằm phòng ngừa tham nhũng:

Báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng chống tham nhũng theo yêu cầu của bộ chỉ số phòng chống tham nhũng năm 2018 cho Thanh tra tỉnh.

III. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng:

1. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương: không phát hiện vụ việc nào tham nhũng.

2. Kết quả công tác thanh tra và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra: không có.

3. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua giải quyết khiếu nại, tố cáo: không có

4. Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của ngành, địa phương: không có hồ sơ nào chuyển cơ quan điều tra.

5. Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác: không có.

Phần IV

CÔNG TÁC XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG

I. Về công tác tổ chức cán bộ:

Trong kỳ, số cán bộ công chức Thanh tra huyện vẫn được giữ nguyên so với năm trước. Tổng cán bộ công chức của Thanh tra huyện hiện nay là 04 người, trong đó: 04 biên chế.

Về trình độ chuyên môn hiện nay: 03 đại học; 01 trung cấp.

Cơ cấu tổ chức: 01 Chánh Thanh tra, 01 thanh tra viên, 02 chuyên viên.

II. Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ:

Tiếp tục thực hiện việc “ Học tập làm theo tấm gương đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh” gắn với việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết TW4, khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự chuyển biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Phần V

ĐÁNH GIÁ, NHẬN XÉT, DỰ BÁO TÌNH HÌNH

I. Về công tác thanh tra:

Trong kỳ, UBND huyện đã chỉ đạo đơn vị thanh tra tiến hành thanh tra công tác quản lý và sử dụng ngân sách tại Đài Truyền thanh-Truyền hình huyện Khánh Sơn.

II. Về công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo:

1. Đánh giá:

Công tác tiếp công dân và tiếp nhận đơn tăng về số lượt tiếp công dân và giảm về tiếp nhận đơn thư so với cùng kỳ. Các vụ việc khiếu nại không phức tạp.

a. Những ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khuyết điểm trong thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo

- Các cán bộ kiêm nhiệm làm công tác tiếp công dân ở Ban Tiếp công dân huyện, các cơ quan chuyên môn thuộc huyện và cán bộ Tư pháp - Hộ tịch của xã, thị trấn, có trình độ chuyên môn về pháp luật, nhiệt tình trong công việc được giao.

- Do làm công tác kiêm nhiệm nên phần nào cũng ảnh hưởng, hạn chế đến công tác tiếp công dân, việc tiếp nhận đơn thư một số đơn vị còn lúng túng trong phân loại đơn thư và xác định thẩm quyền giải quyết (nhất là ở cấp xã); ghi chép vào sổ tiếp công dân, sổ đăng ký khiếu nại tố cáo chưa đầy đủ các nội dung yêu cầu.

b. Những ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khuyết điểm trong việc chỉ đạo, điều hành, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo

UBND huyện và các cấp cơ sở tổ chức triển khai các Nghị quyết của Quốc

hội, Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo; chỉ đạo cho Hội đồng phối hợp công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật huyện, Thanh tra huyện, Phòng Tư pháp huyện tổ chức tuyên truyền phổ biến pháp luật cho nhân dân các văn bản pháp luật về khiếu nại, tố cáo nói riêng và pháp luật nói chung bằng nhiều hình thức; tăng cường thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo của Chủ tịch UBND cấp xã, Thủ trưởng các cơ quan hành chính trên địa bàn huyện.

2. Dự báo:

Trong những năm tới, huyện nhà tập trung đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, trường học... Việc đầu tư kéo theo những quyền lợi của người dân cũng bị ảnh hưởng, đặc biệt trong công tác đền bù giải phóng mặt bằng. Dự kiến việc tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo sẽ còn tiếp tục và có xu hướng nhiều lên.

III. Về công tác phòng chống tham nhũng:

1. Đánh giá tình hình, công tác phòng, chống tham nhũng:

Là một huyện miền núi, giao thông đi lại vẫn còn khó khăn nhất là về mùa mưa lũ, điều kiện cơ sở vật chất và các trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng vẫn còn hạn chế, còn thiếu kinh nghiệm thực tiễn về phòng chống tham nhũng, sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng nhiều lúc chưa được đồng bộ đã ảnh hưởng đến việc triển khai phối hợp trong hoạt động đấu tranh phòng chống tham nhũng.

2. Dự báo tình hình tham nhũng:

Điều kiện kinh tế - xã hội ngày càng phát triển, trình độ dân trí ngày càng được nâng cao nên kéo theo những hiện tượng tiêu cực, tham nhũng, tuy nhiên tiêu cực tham nhũng trong giai đoạn tới sẽ có những hình thức tinh vi với những thủ đoạn khó lường do đó công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng sẽ còn gặp nhiều khó khăn. Muốn đẩy lùi được những tiêu cực tham nhũng cần có sự quan tâm chỉ đạo kịp thời sâu sát của Đảng, Nhà nước, chính quyền đoàn thể, sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan ban ngành, cùng với sự nâng cao ý thức trách nhiệm của toàn xã hội trong công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng. Đặc biệt là cần tăng cường sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng nhằm hạn chế thấp nhất các vấn đề phức tạp có thể xảy ra, đồng thời xử lý nghiêm minh các vụ việc tiêu cực tham nhũng.

Phần VI

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ TRONG KỲ TIẾP THEO

I. Công tác Thanh tra:

Trong kỳ, UBND huyện yêu cầu Thanh tra huyện thanh tra theo kế hoạch đã được UBND huyện phê duyệt (đã triển khai và công bố kết luận cuộc thanh tra công tác quản lý và sử dụng ngân sách tại Đài Truyền thanh – Truyền hình huyện Khánh Sơn); đồng thời triển khai cuộc thanh tra đột xuất tại Phòng Giáo dục và đào tạo theo văn bản chỉ đạo của UBND huyện.

II. Công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và tham mưu giải quyết đơn

thư khiếu nại, tố cáo:

- Phần đầu tham mưu giải quyết khiếu nại, tố cáo đạt tỷ lệ trên 90%. Hoàn thành giải quyết đơn tố cáo về lợi dụng chức vụ quyền hạn chiếm đất; xét cấp đất không đúng đối tượng.

- Phần đầu thực hiện tốt các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo đã có hiệu lực pháp luật đạt tỷ lệ trên 85%.

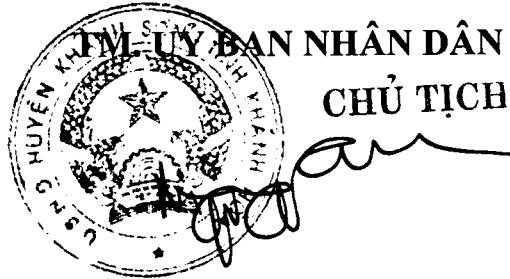
- Thường xuyên kiểm tra, rà soát để chỉ đạo hoặc giải quyết các vụ việc tồn đọng, phức tạp, kéo dài nhằm giảm khiếu nại, bức xúc, đông người.

III. Công tác phòng, chống tham nhũng:

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về phòng chống tham nhũng gắn với việc giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức cho đội ngũ công chức, người lao động. /

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh;
- Thường trực Huyện uỷ;
- Thường trực HĐND huyện;
- Ban Nội chính H.U;
- Lưu: VT, TTr. *đanh*



Nguyễn Văn Nhuận

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA HÀNH CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

(Số liệu tính từ ngày 01/12/2018 đến ngày 03/6/2019)

| Đơn vị | Số cuộc thanh tra | | | | | | Số đơn vị được thanh tra | Số đơn vị có vi phạm | Kiến nghị thu hồi | | | Kiến nghị khác | | | Kiến nghị xử lý | | | | Đã thu | Kiểm tra, đơn đốc việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra | | | | | | Ghi chú | | | | | | | |
|--|-------------------|----------------------|-----------------------------|---------------|----------|------------------------------|--------------------------|----------------------|-------------------|-------------|-----------------------|----------------------|----------|-------------------------|-----------------|----------|-------------|-----------------------|----------|--|---------------------|------------|----------------------------|----------|-------------|----------|-----------------------|----------|----------|----------|----------|-----------|----------|
| | Đang thực hiện | | Hình thức | | Tiến độ | | | | Kiến nghị thu hồi | Tiền (Tr.đ) | Đất (m ²) | Hành chính | | Chuyên cơ quan điều tra | | Đã thu | Tiền (Tr.đ) | Đất (m ²) | | Kết quả kiểm tra, đơn đốc | | | Kiểm điểm, rút kinh nghiệm | | | | | | | | | | |
| | Tổng số | Kỳ trước chuyển sang | Triển khai trong kỳ báo cáo | Theo Kế hoạch | Đột xuất | Kết thúc thanh tra trực tiếp | | | | | | Đã ban hành kết luận | Tổ chức | Cá nhân | Vụ | | | | | Đối tượng | Đã xử lý hành chính | Đã khởi tố | | Đã thu | Tiền (Tr.đ) | | Đất (m ²) | Phải thu | Phải thu | Cá nhân | Vụ | Đối tượng | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Phải thu |
| MS | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | | |
| Thanh tra công tác quản lý và sử dụng ngân sách tại Đài Truyền thanh-Truyền hình | 1 | 1 | 0 | 1 | 0 | 1 | 1 | 1 | 1 | 7.5 | 0 | 7.5 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 7.5 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | |
| Tổng | 1 | 1 | 0 | 1 | 0 | 1 | 1 | 1 | 1 | 7.5 | 0 | 7.5 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 7.5 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | |

Lưu ý:

- Cột (1) = (2) + (3) = (4) + (5)

- Cột (10) = (12) + (14)

- Cột (11) = (13) + (15)

- Biểu này không bao gồm kết quả thanh tra chuyên ngành và kết quả thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố

- Cột 20, 21 là Tổng kết quá thu hồi trong quá trình thanh tra hoặc ngay sau khi có kết luận thanh tra và kết quả kiểm tra, đơn đốc xử lý sau thanh tra

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

(Số liệu tính từ ngày 01/12/2018 đến ngày 03/6/2019)

| Đơn vị | Số cuộc thanh tra | | | | | | Số đơn vị có phạm vi phạm | Số đơn vị được thanh tra | Kiến nghị thu hồi | | | Kiến nghị khác | | | Kiến nghị xử lý | | | | Đã thu | Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra | Ghi chú | | | | | | | | | | |
|--------|-------------------|----------------------|-----------------------------|---------------|----------|------------------------------|---------------------------|--------------------------|-------------------|-----------------------|-------------|-----------------------|------------|-------------------------|-----------------|--------|-------------|---------------------------|--------|--|---------|-------------|-----------------------|---------|---------|----|-----------|---------------------|------------|-----------|--------|
| | Tổng số | Đang thực hiện | | Hình thức | | Tiến độ | | | Tiền (Tr.đ) | Đất (m ²) | Tiền (Tr.đ) | Đất (m ²) | Hành chính | Chuyên cơ quan điều tra | | Đã thu | Tiền (Tr.đ) | Kết quả kiểm tra, đôn đốc | | | | | | | | | | | | | |
| | | Ký trước chuyển sang | Triển khai trong kỳ báo cáo | Theo Kế hoạch | Đột xuất | Kết thúc thanh tra trực tiếp | | | | | | | | Đã ban hành kết luận | Tiền (Tr.đ) | | | Đất (m ²) | | | | Tiền (Tr.đ) | Đất (m ²) | Tổ chức | Cá nhân | Vu | Đổi tương | Đã xử lý hành chính | Đã khởi tố | Đòi tương | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Đã thu |
| MS | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 |
| | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tổng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

Lưu ý:

- Cột (1) = (2) + (3) = (4) + (5)

- Cột (10) = (12) + (14)

- Cột (11) = (13) + (15)

- Biểu này không bao gồm kết quả thanh tra chuyên ngành và kết quả thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, giải quyết

- Cột 20, 21 là Tổng kết quả thu hồi trong quá trình thanh tra hoặc ngay sau khi có kết luận thanh tra và kết quả kiểm tra, đôn đốc xử

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA TRONG LĨNH VỰC TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

(Số liệu tính từ ngày 01/12/2018 đến ngày 03/6/2019)

| Đơn vị | Số cuộc thanh tra | | | | | | | | | | Kiến nghị xử lý | | | | Kiểm tra, đơn đốc việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra | | | | | Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng) | | | | | | |
|---|-------------------|----------------------|-----------------------------|---------------|----------|------------------------------|--------------------------|----------------------|---------------------------|-----------------------|----------------------|----------|-------------------------|----------|--|--|---------------------------|----------|---------------------|--------------------------------|----------|------------|----------|----------|----------|---------|
| | Đang thực hiện | | Hình thức | | Tiến độ | | Số đơn vị được thanh tra | Số đơn vị có vi phạm | Số tiền kiến nghị thu hồi | Kiến nghị khác (tiền) | Hành chính | | Chuyển cơ quan điều tra | | Số tiền đã thu | Tổng số KLT và QĐ xử lý đã kiểm tra, đơn đốc | Kết quả kiểm tra, đơn đốc | | | | Ghi chú | | | | | |
| | Tổng số | Kỳ trước chuyển sang | Triển khai trong kỳ báo cáo | Theo kế hoạch | Đột xuất | Kết thúc thanh tra trực tiếp | | | | | Đã ban hành kết luận | Tổ chức | Cá nhân | Vụ | | | Đổi tượng | Tiền | Đã xử lý hành chính | | | Đã khởi tố | Phải thu | Đã thu | Tổ chức | Cá nhân |
| | | | | | | | 1 | 2 | 3 | 4 | | | | | 5 | 6 | | | | | 7 | | | | | |
| MS | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | |
| Thanh tra công tác quản lý và sử dụng ngân sách tại Đài Truyền thanh- Truyền hình | 1 | 1 | 0 | 1 | 0 | 1 | 1 | 1 | 1 | 7.5 | 7.5 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 7.5 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| Tổng | 1 | 1 | 0 | 1 | 0 | 1 | 1 | 1 | 1 | 7.5 | 7.5 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 7.5 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |

Lưu ý:

- Cột (1) = (2) + (3) = (4) + (5)

- Cột (10) = (11) + (12)

- Biểu này không bao gồm kết quả thanh tra chuyên ngành và kết quả thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về

- Cột 17 là Tổng kết quá thu hồi trong quá trình thanh tra hoặc ngay sau khi có kết luận thanh tra và kết quả kiểm tra,

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

(Số liệu tính từ ngày 01/12/2018 đến ngày 03/6/2019)

| Đơn vị | Số cuộc thanh tra | | | | | Số đơn vị có vi phạm | | Các dạng vi phạm về đất (m ²) | | | | | | | | | | | | Kiến nghị xử lý | | Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý thanh tra | | | | Ghi chú | | | | | | | | | | | | | | | | |
|--------|-------------------|------------------------------|--------------|--------------|--------------|----------------------------|---------------------|---|----------------------|------------|-----------------------|---------------|----------------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|---|------------|-----------------------|-----------------------|---------|-----------------------|---------------------|----------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|---|---|
| | Đang thực hiện | | Hình thức | | Tiến độ | | Số đơn vị thanh tra | Số đơn vị có vi phạm | Tổng vi phạm | | Kiến nghị thu hồi | | | | Kiến nghị khác | | Kiến nghị xử lý | | Đã thu | | Kết quả kiểm tra, đôn đốc | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Tổng số | Kỳ trước chuyển sang báo cáo | Trên báo cáo | Trên báo cáo | Trên báo cáo | Đã bàn thanh luận kết luận | | | Đã ban hành kết luận | Tiền (Trđ) | Đất (m ²) | Đất lấn chiếm | Đất sai thẩm quyền (hồ sơ) | Cấp bản đồ sai trái | Cấp bản đồ sai trái | Cấp bản đồ sai trái | Cấp bản đồ sai trái | Chuyển như đúng pháp luật | Chuyển như đúng pháp luật | Chuyển như đúng pháp luật | Chuyển như đúng pháp luật | Chuyển như đúng pháp luật | Tiền (Trđ) | Đất (m ²) | Đất (m ²) | | Đất (m ²) | Đã xử lý hành chính | Đã không | | | | | | | | | | | | | |
| MS | 1 | 2 | 5 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 29 | 30 | 31 | 32 | 33 | 34 | 35 | 36 | 37 | 38 | 39 | 40 | 41 | | |
| | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tổng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

Lưu ý:

- Cột (1) = (2) + (3) = (4) + (5)
- Cột (11) = (12)+(13)+(14)+(15)+(16)+(17)+(18)+(19)
- Biểu này không bao gồm kết quả thanh tra chuyên ngành và kết quả thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN
- Cột 29, 30, 31 là Tổng kết quả thu hồi trong quá trình thanh tra hoặc ngay sau khi có kết luận thanh tra và kết quả kiểm tra, đôn đốc xử lý sau thanh tra

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA LẠI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

(Số liệu tính từ ngày 01/12/2018 đến ngày 03/6/2019)

| Đơn vị | Số cuộc thanh tra lại | | | Cơ sở thanh tra lại (số cuộc) | | | Số đơn vị có vi phạm phát hiện qua thanh tra lại | Số đơn vị đã thanh tra lại | Vi phạm về kinh tế phát | | | Kiến nghị thu hồi | | Kiến nghị khác | | Kiến nghị xử lý | | | | Kết quả thực hiện | | | | Ghi chú | | | | |
|-------------|-----------------------|----------------------|-----------------------------|--|--|----------------------------------|--|----------------------------|--|---|------------|-----------------------|------------|-----------------------|------------|-------------------------|------------------|-------------------|------------------------------|---------------------|------------|------------|----------|----------|----------|----------|----------|-----------|
| | Đang thực hiện | Tiến độ | | Vi phạm trình tự, thủ tục thực dẫn đến sai lệch nghiêm | Nội dung kết luận không phù hợp chứng cứ | Sai lầm trong áp dụng PL, khi KL | | | Có ý làm sai lệch hồ sơ hoặc có ý K.L trái pháp luật | Vi phạm nghiêm trọng chưa được phát hiện đầy đủ | Tiền (Trđ) | Đất (m ²) | Tiền (Trđ) | Đất (m ²) | Hành chính | Chuyên cơ quan điều tra | | Tiền đã thu (Tra) | Đất đã thu (m ²) | Đã xử lý hành chính | | Đã khởi tố | | | | | | |
| | | Kỳ trước chuyển sang | Triển khai trong kỳ báo cáo | | | | | | | | | | | | | Đã ban hành kết luận | Đã xử lý cá nhân | | | Đã khởi tố | Hành chính | | Tổ chức | | Cá nhân | Tổ chức | Cá nhân | Đổi tượng |
| MS | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 |
| | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tổng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

Lưu ý:

- Cột (1) = (2) + (3) = (6) + (7) + (8) + (9) + (10)

- Cột (13) = (15) + (17)

- Cột (14) = (16) + (18)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019
(Số liệu tính từ ngày 01/12/2018 đến ngày 03/6/2019)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng)

| Đơn vị | Số cuộc thanh tra, kiểm tra | | Số cá nhân được thanh tra, kiểm tra | | Số tổ chức được thanh tra, kiểm tra | | Số tổ chức được thanh tra, kiểm tra | | Kết quả | | | | | | | | | | Ghi chú | | | | | | | | | |
|--------|-----------------------------|----------------|-------------------------------------|----------|-------------------------------------|----------|-------------------------------------|---------------|---------|--|----------|-----------------|---------|-------------------------------|---------|-------------------------|---------|----------------|---------|---------|----------|---------|---------|----------|---------|---------|----|---|
| | Tổng số | Thành lập đoàn | Thành lập | Kiểm tra | Thanh tra | Kiểm tra | Thanh tra | Số cơ vi phạm | | Số QĐ xử phạt hành chính được ban hành | | Số tiền vi phạm | | Số tiền xử lý tai nạn vi phạm | | Số tiền xử phạt vi phạm | | Số tiền đã thu | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | Tổng số | Cá nhân | Tổng số | Cá nhân | Tổng số | Cá nhân | Tổng số | Cá nhân | Tổng số | Cá nhân | Tổng số | | Cá nhân | Tổng số | Cá nhân | Tổng số | Cá nhân | Tổng số | Cá nhân | | |
| MS | 1=2+3 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8=9+10 | 9 | 10 | 11=12+13 | 12 | 13 | 14=15+16 | 15 | 16 | 17 | 18=19+20 | 19 | 20 | 21=22+23 | 22 | 23 | 24=25+26 | 25 | 26 | 27 | |
| Tổng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

Lưu ý:

- Cột (17) áp dụng cho đơn vị thanh tra chuyên ngành có tính chất đặc thù (như Sở Lao động, Thương binh & Xã hội; Sở Giao thông vận tải...)
- Cột (21) là giá trị tài sản tịch thu sau khi đã xử lý nộp về ngân sách
- Cột (24), (25), (26) là số tiền đã thu từ kết quả kiểm tra, thanh tra, kiểm tra
- + Số tiền xử phạt vi phạm đã thu từ Cột 17 + Số tiền tài sản vi phạm đã xử lý từ Cột 18

CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THANH TRA 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019
(Số liệu tính từ ngày 01/12/2018 đến ngày 03/6/2019)

| Đơn vị | Ban hành văn bản quản lý, chỉ đạo (BỘ, ngành, tỉnh, TP) về công tác thanh tra | | Tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật và thanh tra cho cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân | | Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm | | | | Kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra trách nhiệm, quyết định xử lý | | | | Ghi chú | | | | | | | | |
|-------------|---|----------------------------------|--|-------|------------------------------------|-------|--|-----------|--|-----------|----------------------------|------------|---------|-------------------------------------|-------------------------------|---------------------|----|----|----|----|----|
| | Số văn bản ban hành mới | Số văn bản được sửa đổi, bổ sung | Pháp luật về thanh tra | | Pháp luật về thanh tra, KNTC, PCTN | | Thực hiện pháp luật và thanh tra, KNTC, PCTN | | Kiến nghị xử lý | | Kết quả kiểm tra | | | Tổng số KLT và QD xử lý đã kiểm tra | | | | | | | |
| | | | Lớp | Người | Lớp | Người | Số cuộc | Số đơn vị | Số cuộc | Số đơn vị | Kiểm điểm, rút kinh nghiệm | Hành chính | | | Đã kiểm điểm, rút kinh nghiệm | Đã xử lý hành chính | | | | | |
| MS | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 |
| | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tổng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

Lưu ý:

- Đối với việc tổ chức tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật và thanh tra trách nhiệm về thanh tra, giải quyết KNTC, và PCTN,
- Nếu thực hiện ghép 2, hoặc 3 nội dung (thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng) thì chỉ thống kê 01 lần ở cột (5), (6), (đối với tập huấn, tuyên truyền, phổ biến) và ở cột (9) và (10), (đối với thanh tra, kiểm tra trách nhiệm), sau đó giải thích ở phần ghi chú.

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÁT HIỆN, XỬ LÝ THAM NHŨNG PHÁT HIỆN QUA CÔNG TÁC CỦA NGÀNH THANH TRA 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

(Số liệu tính từ ngày 01/12/2018 đến ngày 03/6/2019)

| Đơn vị phát hiện | Số vụ | Số người | Tài sản tham nhũng | | | Kiến nghị thu hồi | | | Đã thu | | | Kiến nghị xử lý | | | Kết quả xử lý | | | Xử lý trách nhiệm người đứng đầu | | Ghi chú | | | | | |
|------------------|-------|----------|--------------------|------------------------------------|-----------------------|-------------------|------------------------------------|-----------------------|-----------------|------------------------------------|-----------------------|-----------------|-------------------------|---------------------|---------------|----|---------|----------------------------------|-----------|---------|----------|------------|------------------------------------|-----------------------|------------|
| | | | Tổng tiền (Trđ) | Tài sản khác (quy đổi ra tiền Trđ) | Đất (m ²) | Tổng tiền (Trđ) | Tài sản khác (quy đổi ra tiền Trđ) | Đất (m ²) | Tổng tiền (Trđ) | Tài sản khác (quy đổi ra tiền Trđ) | Đất (m ²) | Hành chính | Chuyên cơ quan điều tra | Đã xử lý hành chính | Đã khởi tố | Vụ | Cá nhân | Tổ chức | Kiến nghị | | Đã xử lý | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Tiền (Trđ) | Tài sản khác (quy đổi ra tiền Trđ) | Đất (m ²) | Tiền (Trđ) |
| MS | 1 | 2 | 3=4+5 | 4 | 5 | 6 | 7=8+9 | 8 | 9 | 10 | 11=12+13 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 |
| | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tổng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

Lưu ý:

- Cột "đơn vị phát hiện" ghi cụ thể tên đơn vị phát hiện tham nhũng
- Nếu cột 23 có nội dung trùng cột 16, 18; cột 24 có nội dung trùng cột 20, 22 thì cần ghi chú và giải thích.

TỔNG HỢP CÔNG TÁC XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG THANH TRA 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019
(Số liệu tính từ ngày 01/12/2018 đến ngày 03/6/2019)

| Đơn vị | Thực trạng cán bộ công chức trong kỳ báo cáo | | | | | | | | | | Biến động trong kỳ báo cáo (số CBCC) | | | | | | | Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra | | | | | Đào tạo khác (ngoại ngữ, tin học, trên đại học) | | Đơn vị tính: Người |
|-------------|--|-----------------------|-----------------------------|-----------------------|------------------------------|-----------------------|---------------------------|---------------------------|--------------------------------|----------------------------|--------------------------------------|------------|----------|----------------|----------|----------------------|----------|--|----------|---------------------------|---|----------|---|--------------|--------------------|
| | Tổng số | Trong đó | | | | Tiếp nhận, tuyển dụng | Nghỉ hưu, chuyển công tác | Bỏ nhiệm chức vụ lãnh đạo | Bỏ nhiệm vào ngạch, nâng ngạch | Chuyển đổi vị trí công tác | Vi phạm kỷ luật | | Tổng số | Thanh tra viên | | Thanh tra viên chính | | Thanh tra viên cao cấp | | Đào tạo lý luận chính trị | Đào tạo khác (ngoại ngữ, tin học, trên đại học) | Ghi chú | | | |
| | | Số TTV và tương đương | Số TTV chính và tương đương | Số TTV và tương đương | Số CB, CC, VC trong biên chế | | | | | | Số lao động hợp đồng | Phải xử lý | | Đã xử lý | Nhu cầu | Đã thực hiện | Nhu cầu | Đã thực hiện | Nhu cầu | | | | Đã thực hiện | Đã thực hiện | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| MS | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | |
| | 4 | 0 | 0 | 4 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | 2 | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| Tổng | 4 | 0 | 0 | 4 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | 2 | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |

Lưu ý:

- Biểu này chỉ áp dụng đối với báo cáo 6 tháng và báo cáo tổng kết năm.
- Cột (14) = Cột (16) + Cột (18) + Cột (20)
- Cột (15) = Cột (17) + Cột (19) + Cột (21)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ SAU THANH TRA 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019
(Số liệu tính từ ngày 01/12/2018 đến ngày 03/6/2019)

| TT | Số kết luận thanh tra, ngày tháng năm ban hành | Số VB chỉ đạo xử lý KLTT | Nội dung thanh tra | Kết quả xử lý sau thanh tra | | | | | | | | | | | | Ghi chú | | | | | | |
|------------------|--|--------------------------|--|-----------------------------|---------|---------|-----------------------------|---------|---------|-------------------------------|---------|----------|-----------------------|-----------|----------|------------|-------------|--------|----------------------------|------------|-----------|---|
| | | | | Xử lý cán bộ | | | Xử lý cán bộ (Đã thực hiện) | | | Xử lý cán bộ (chưa thực hiện) | | | Đất (m ²) | | | | Tiền (đồng) | | | Xử lý khác | | |
| | | | | Hành chính | | Hình sự | Hành chính | | Hình sự | Hành chính | | Hình sự | Đã thu | Tỷ lệ (%) | Phải thu | | Tỷ lệ (%) | Đã thu | Tỷ lệ (%) | Kiến nghị | Thực hiện | |
| | | | | Tổ chức | Cá nhân | Tổ chức | Cá nhân | Tổ chức | Cá nhân | Tổ chức | Cá nhân | Phải thu | Đã thu | Phải thu | Đã thu | | Phải thu | Đã thu | Kiểm điểm, rút kinh nghiệm | Thực hiện | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | |
| 1 | Kết luận số 386/KL-UBND ngày 25/4/2019 | 1 | Thanh tra công tác QL&SDNS tại Đài TT-TH | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 7.5 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tổng cộng | | 1 | | | | | | | | | | | | | | 7.5 | | | | | | |

Ghi chú:

1. Đối với mục 5, 6 (xử lý hành chính): ghi rõ cụ thể các hình thức xử lý như khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, hạ ngạch, cách chức, hoặc thôi việc. Trường hợp tổ chức, cá nhân chỉ kiểm điểm rút kinh nghiệm thì ko ghi vào mục 20, 21 (xử lý khác)

2. Đối với mục 20 (kiến nghị - xử lý khác): để nghị đơn vị ghi rõ nội dung kiến nghị theo KLTT.

KẾT QUẢ CHỦ YẾU VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019
(Số liệu tính từ ngày 01/12/2018 đến ngày 03/6/2019)

| MS | NỘI DUNG | ĐV TÍNH | SỐ LIỆU |
|----|--|------------|---------|
| | CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT | | |
| 1 | Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN | Văn bản | 0 |
| 2 | Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành | Văn bản | 0 |
| | TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN | | |
| 3 | Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN | Lượt người | 0 |
| 4 | Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức | Lớp | 0 |
| 5 | Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản | Tài liệu | 0 |
| | THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG | | |
| | <i>Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (gọi chung là đơn vị)</i> | | |
| 6 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch | CQ, TC, ĐV | 0 |
| 7 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch hoạt động | CQ, TC, ĐV | 0 |
| | <i>Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn</i> | | |
| 8 | Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được ban hành mới | Văn bản | 0 |
| 9 | Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp | Văn bản | 0 |
| 10 | Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn | Cuộc | 0 |
| 11 | Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý | Vụ | 0 |
| 12 | Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn | Người | 0 |
| 13 | Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý kỷ luật | Người | 0 |
| 14 | Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự | Người | 0 |
| 15 | Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là | Triệu đồng | 0 |
| 16 | Tổng giá trị vi phạm chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường | Triệu đồng | 0 |
| 17 | Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị | Người | 0 |
| 18 | Giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền) | Triệu đồng | 0 |
| | <i>Thực hiện quy tắc ứng xử, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức</i> | | |
| 19 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức | CQ, TC, ĐV | 0 |
| 20 | Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý | Người | 0 |
| 21 | Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng | Người | 0 |
| | <i>Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập</i> | | |
| 22 | Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập | Người | 0 |
| 23 | Số người bị kết luận kê khai không trung thực | Người | 0 |
| | <i>Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng</i> | | |
| 24 | Số người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng | Người | 0 |
| 25 | Số người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng | Người | 0 |
| 26 | Số người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng | Người | 0 |
| | <i>Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán</i> | | |
| 27 | Số cơ quan, tổ chức đã áp dụng ISO trong quản lý hành chính | CQ, TC, ĐV | 13 |
| 28 | Tỷ lệ cơ quan, tổ chức đã chi trả lương qua tài khoản trên tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc | % | 100 |
| | PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG | | |
| | <i>Qua việc tự kiểm tra nội bộ</i> | | |
| 29 | Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ | Vụ | 0 |
| 30 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ | Người | 0 |
| | <i>Qua hoạt động thanh tra</i> | | |
| 31 | Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra | Vụ | 0 |

| | | | |
|----|--|----------------|---|
| 32 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác thanh tra | Người | 0 |
| | Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo | | |
| 33 | Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức | Đơn | 0 |
| 34 | Số đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết | Đơn | 0 |
| 35 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo | Vụ | 0 |
| 36 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo | Người | 0 |
| | Qua điều tra tội phạm | | |
| 37 | Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố | Vụ | 0 |
| 38 | Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố | Người | 0 |
| | XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHƯNG | | |
| 39 | Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra (trong phạm vi quản lý trực tiếp) | Vụ | 0 |
| 40 | Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) | Người | 0 |
| 41 | Trong đó: | | 0 |
| | + Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng; | Người | 0 |
| 42 | + Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng; | Người | 0 |
| 43 | + Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng; | Người | 0 |
| 44 | + Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng | Người | 0 |
| 45 | Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính | Vụ | 0 |
| 46 | Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng | Người | 0 |
| 47 | Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý) | Vụ | 0 |
| 48 | Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý) | Người | 0 |
| | Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được | | |
| 49 | + Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng | 0 |
| 50 | + Đất đai | m ² | 0 |
| | Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường | | |
| 51 | + Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng | 0 |
| 52 | + Đất đai | m ² | 0 |
| | Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được | | |
| 53 | + Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Triệu đồng | 0 |
| 54 | + Đất đai | m ² | 0 |
| | Bảo vệ người tố cáo, phát hiện tham nhũng | | |
| 55 | Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã bị trả thù | Người | 0 |
| 56 | Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng, trong đó | Người | 0 |
| | + Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ | | |
| | + Tặng Bằng khen của Bộ, ngành, địa phương | | |
| | + Tặng Giấy khen | | |
| 57 | Số người bị tạm đình chỉ công tác, tạm chuyển vị trí công tác khác do vi phạm pháp luật liên quan đến tham nhũng | Người | 0 |
| 58 | Số người bị tạm đình chỉ công tác, tạm chuyển vị trí công tác sau đó được kết luận là có hành vi tham nhũng | Người | 0 |
| 59 | Số đơn yêu cầu cơ quan nhà nước giải trình theo quy định của Nghị định 90/2013/NĐ-CP | Đơn | 0 |
| 60 | Số đơn yêu cầu giải trình đủ điều kiện để cơ quan nhà nước giải trình | Đơn | 0 |
| 61 | Số đơn yêu cầu đã được giải trình | Đơn | 0 |

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KHÁNH SƠN**

Biểu mẫu 3b

DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHỮNG ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG KỲ
(Số liệu tính từ 01/12/2019 đến 03/6/2019)

| TT | Tên vụ | Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra sự việc | Cơ quan thụ lý, giải quyết vụ việc | Tóm tắt nội dung vụ việc |
|------|--------|---|------------------------------------|--------------------------|
| | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | | Không phát hiện | | |
| Tổng | 0 | 0 | 0 | 0 |

11/11/2019